

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

Số: **16** /2024/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày **22** tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại một số cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị;
Trên cơ sở ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 152/TTHĐND-VP ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc sửa đổi, bổ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1639/TTr-STC ngày 04 tháng 6 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại một số cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở Tài chính tỉnh Quảng Bình; Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Bình và các đơn vị trực thuộc; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Bình; Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường, Trung tâm Công nghệ Thông tin Tài nguyên và Môi trường đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình.

b) Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại một số cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình

[Signature]

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Sở Tài chính tỉnh Quảng Bình (Phụ lục I kèm theo).

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Bình và các đơn vị trực thuộc (Phụ lục II kèm theo).

3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Bình (Phụ lục III kèm theo).

4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình (Phụ lục IV kèm theo).

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024. Các quy định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Mục 3.7, Mục 8.1 và Mục 8.2 Phụ lục 01 Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại một số cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình.

2. Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình.

3. Mục 3.4 và mục 8 Phụ lục I Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình.

4. Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại một số cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình.

5. Mục I Phụ lục III và Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định số 42/2023/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại một số cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

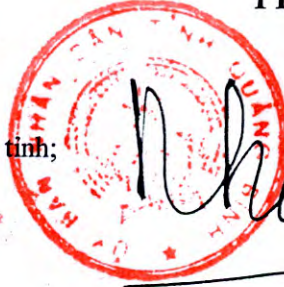
Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ,

Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Bình; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Quản lý công sản (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ pháp chế-Bộ Tài chính
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Báo Quảng Bình;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Phong Phú



Phụ lục I
Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng
của Sở Tài chính tỉnh Quảng Bình
(Kèm theo Quyết định số **16** /2024/QĐ-UBND ngày **22** tháng 7 năm 2024
của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
I	Văn phòng Sở Tài chính			
1	Hệ thống máy chủ	Phục vụ vận hành, khai thác hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (Tabmib)	Bộ	1
2	Thiết bị chuyển mạch 24 cổng	Phục vụ vận hành, khai thác hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (Tabmib)	Cái	1
3	Thiết bị tường lửa firewall	Phục vụ vận hành, khai thác hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (Tabmib)	Bộ	1
4	Máy tính để bàn	- Cấu hình cao: Phục vụ việc quản lý, sử dụng, khai thác phần mềm quản lý tài sản công theo Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 22/7/2023 của Bộ Tài chính; - Phục vụ công tác nhập liệu trên hệ thống Phần mềm quản lý công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại tố cáo và Phần mềm quản lý xử lý vi phạm hành chính; - Phục vụ Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (Tabmis) theo Quyết định số 721/QĐ-BTC ngày 12/5/2020 của Bộ Tài chính và Công văn số 715/THỆ THỐNGK-CNTT ngày 08/08/2018 của Cục Tin học và Thống kê Bộ Tài chính - Phục vụ công tác quản lý tài chính, ngân sách	Bộ	18
5	Máy tính xách tay	Cấu hình cao: Phục vụ các cuộc họp, hội nghị trực tuyến bộ, ngành, cụm tài chính Trung ương và địa phương trong công tác điều hành quản lý tài chính ngân sách	Cái	16

Đỗ Văn

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
6	Hệ thống máy móc, thiết bị phòng họp trực tuyến	Máy móc thiết bị chuyên dùng phòng họp trực tuyến Ngành Tài chính	Bộ	
6.1	Thiết bị hội nghị truyền hình		Bộ	1
6.2	Thiết bị ghi hình dùng cho máy vi tính		Bộ	1
6.3	Bộ xử lý trung tâm kỹ thuật số		Bộ	1
6.4	Hộp chủ tịch kỹ thuật số		Bộ	1
6.5	Hộp đại biểu kỹ thuật số		Bộ	15
6.6	Micro không dây		Bộ	1
6.7	Bàn trộn âm thanh		Chiếc	1
6.8	Thiết bị âm thanh		Chiếc	1
6.9	Tivi		Chiếc	3
6.10	Tủ âm thanh		Chiếc	1



Phụ lục II

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Bình và các đơn vị trực thuộc
(Kèm theo Quyết định số **16** /2024/QĐ-UBND ngày **22** tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
I	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ			
1	Máy chiếu	Phục vụ chuyên môn	Cái	3
2	Máy đo suất liều bức xạ cầm tay	Thanh tra, kiểm tra an toàn bức xạ hạt nhân	Cái	1
3	Máy test nhanh xăng dầu	Thanh tra, kiểm tra chất lượng xăng dầu lưu thông trên thị trường	Cái	1
4	Cân đối chứng tại các chợ	Phục vụ hoạt động đối chứng	Cái	15
5	Thiết bị trang bị phòng họp xét duyệt, nghiệm thu nhiệm vụ Khoa học và công nghệ			
5.1	Tivi LED 60 inch + giá treo	Phục vụ xét duyệt, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Cái	1
5.2	Loa cột	Phục vụ xét duyệt, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Cái	4
5.3	Âm ly kèm trộn	Phục vụ xét duyệt, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Cái	2
5.4	Kệ tivi kiêm tủ chứa Codec, Âmly	Phục vụ xét duyệt, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Cái	1
5.5	Hộp đại biểu kèm micro cần dài	Phục vụ xét duyệt, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Cái	15
5.6	Hộp chủ tịch kèm micro cần dài	Phục vụ xét duyệt, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Cái	1
5.7	Máy tính xách tay	Cấu hình cao phục vụ xét duyệt, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ; phục vụ họp hội đồng nghiệm thu khoa học và công nghệ; kiểm tra, thanh tra về khoa học và công nghệ; bảo vệ BMNN	Cái	15

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
5.8	Máy phát điện 60KVA	Phục vụ xét duyệt, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Chiếc	1
5.9	Điều hòa không khí	Phục vụ xét duyệt, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Chiếc	2
5.10	Bộ micro không dây cầm tay, dải tần UHF	Phục vụ xét duyệt, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Bộ	2
5.11	Máy ảnh	Phục vụ xét duyệt, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Cái	1
6	Thiết bị nhận diện nguồn phóng xạ	Phục vụ công tác ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân	Thiết bị	1
7	Liều kế cá nhân điện tử	Phục vụ công tác ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân	Cái	5
8	Hệ thống rào chắn (phương tiện, nón, bảng hiệu, dây chằng) với các điểm ra vào xác định	Phục vụ công tác ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân	Hệ thống	1
9	Màn hình Led	Phục vụ họp hội đồng nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các hoạt động khác của Sở	Hệ thống	1
10	Máy tính bàn	Cấu hình cao phục vụ công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại tố cáo; nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ; phục vụ họp hội đồng nhiệm vụ khoa học và công nghệ; ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân	Bộ	5
11	Bộ định tuyến Cisco (thiết bị chia mạng)	Phục vụ hoạt động quản lý khoa học và công nghệ	Cái	5
12	Thiết bị thu phát wifi (hệ thống 7 cái)	Phục vụ hoạt động quản lý khoa học và công nghệ	Hệ thống	1
13	Hệ thống Camera giám sát (8 cái)	Phục vụ hoạt động quản lý khoa học và công nghệ	Hệ thống	1

Đỗ Văn

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
II	Trung tâm Ứng dụng và Thống kê khoa học và công nghệ			
1	Máy điều hoà	Bảo quản giống	Cái	3
2	Tủ âm	Bảo quản dụng cụ cấy	Cái	1
3	Tủ cấy vô trùng	Cấy giống nấm	Cái	2
4	Máy lắc ngang	Nuôi cấy vi sinh	Cái	2
5	Cân phân tích điện tử	Cân hóa chất	Cái	1
6	Thiết bị định lượng đóng túi	Đóng túi trà linh chi	Bộ	2
7	Hệ thống trích ly	Sản xuất cao linh chi	Hệ thống	1
8	Nồi thanh trùng nguyên liệu	Hấp khử trùng bạch nguyên liệu	Cái	1
9	Nồi hơi đốt dầu và hệ thống đường ống	Hấp khử trùng bạch nguyên liệu	Cái	1
10	Bộ xử lý nước cho nồi hơi	Lọc nước cho nồi hơi	Bộ	1
11	Buồng hấp khử trùng nguyên liệu	Hấp khử trùng bạch nguyên liệu	Buồng	1
12	Bộ giá khay buồng khử trùng	Đựng bạch nguyên liệu	Bộ	1
13	Nồi xử lý nguyên liệu	Hấp bạch giống nấm	Cái	1
14	Máy sàng nguyên liệu	Sàng mùn cưa trồng nấm	Cái	1
15	Máy đóng túi hút chân không	Đóng túi sản phẩm	Cái	1
16	Tủ hút khí độc	Nuôi cấy vi sinh	Cái	1
17	Hệ thống quang phổ UV-VIS	Phục vụ đánh giá tác động môi trường	Hệ thống	1
18	Bếp đun cách thủy	Sản xuất chế phẩm vi sinh	Cái	1
19	Máy đếm khuẩn lạc	Sản xuất chế phẩm vi sinh	Cái	1
20	Máy phát điện	Cấp điện dự phòng	Cái	1

Handwritten signature

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
61	Kính hiển vi điện tử	Nuôi cấy vi sinh	Cái	1
62	Hệ thống lên men	Nuôi cấy vi sinh	Cái	4
63	Máy lắc vòng gia nhiệt	Nuôi cấy vi sinh	Cái	1
64	Hệ thống tạo nhiệt tuần hoàn phòng kín	Sản xuất giống nấm các loại	Hệ thống	1
65	Máy đánh toi nguyên liệu	Sản xuất giống nấm các loại	Cái	2
66	Hệ thống sản xuất thử nghiệm trà túi lọc	Sản xuất trà túi lọc	Hệ thống	1
66.1	Máy nghiền nguyên liệu tươi và khô		Cái	1
66.2	Máy rang, sao nguyên liệu		Cái	1
66.3	Máy sấy nguyên liệu		Cái	1
66.4	Máy in Date bán tự động		Cái	1
66.5	Máy phối trộn nguyên liệu		Cái	1
66.6	Máy ép định dạng nguyên liệu		Cái	1
66.7	Máy bọc và dán màng co tự động		Cái	1
67	Hệ thống chiết suất, cô đặc cây dược liệu	Chiết suất các loại dược liệu	Hệ thống	1
67.1	Máy rửa dược liệu		Cái	1
67.2	Máy nén khí		Cái	1
67.3	Máy cắt dược liệu		Cái	1
67.4	Máy sấy lạnh hút chân không		Cái	1
67.5	Tháp giải nhiệt		Cái	1
67.6	Máy xay (kiểu nghiền búa công nghiệp)		Cái	1
67.7	Máy phối trộn nguyên liệu		Máy	1
68	Hệ thống sản xuất thử nghiệm lọc nước tinh khiết kết hợp từ trường, điện phân OZON	Sản xuất nước lọc tinh khiết	Hệ thống	1



TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
68.1	Bồn chứa nước đầu nguồn		Cái	1
68.2	Bơm cấp nguồn		Cái	1
68.3	Bơm định lượng chất điều chỉnh PH và keo tụ BL 10		Cái	1
68.4	Thiết bị lọc đa lớp (Lọc kim loại nặng)		Bộ	1
68.5	Thiết bị làm mềm tiền xử lý bảo vệ máy RO		Bộ	1
68.6	Thiết bị lọc cartridge 5micron bảo vệ màng RO cấp		Bộ	1
68.7	Thiết bị lọc thẩm thấu ngược		Bộ	1
68.8	Bơm nước thành phẩm cho hệ thống đóng bình		Bộ	1
68.9	Thiết bị siêu lọc 0.2micron – Lọc xác khuẩn		Bộ	1
68.10	Thiết bị tiệt trùng UV - (OZONE) Trộn ERECTOR		Bộ	1
68.11	Thiết bị lọc đa lớp Multimedia Filter		Bộ	1
68.12	Thiết bị làm mềm tiền xử lý bảo vệ máy Ion		Bộ	1
68.13	Thiết bị lọc cartridge 5micron bảo vệ màng RO		Bộ	1
68.14	Thiết bị lọc UF chuyên dụng cho Ion kiềm alkaline		Bộ	1
68.15	Thiết bị điện giải ion kiềm Alkaline		Bộ	2
68.16	Máy nhỏ nắp bình tự động		Cái	1
68.17	Máy nén khí 1HP bình tích áp 250 lít		Cái	1
68.18	Máy rửa vỏ ngoài bình 5galon tự động		Cái	1
68.19	Máy cấp bình rỗng tự động		Cái	1

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
68.20	Máy cấp nắp bình tự động		Cái	1
68.21	Máy xúc rửa, chiết rót, đóng nắp bình tự động QGF-		Cái	1
68.22	Máy co màng 5GALON		Cái	1
68.23	Hệ thống chiết rót bình bán tự động		Hệ thống	1
68.24	Máy chiết chai pet 3 in 1		Cái	1
68.25	Hệ thống cấp nắp chai tự động		Hệ thống	1
68.26	Máy sấy khô chai pet		Cái	1
68.27	Hệ thống co màng chai pet		Hệ thống	1
68.28	Máy in hạn sử dụng		Cái	1
69	Máy quay chuyên dụng và các phụ kiện đi kèm	Phục vụ công tác chuyên môn	Cái	3
70	Máy ảnh kỹ thuật số	Phục vụ công tác chuyên môn	Cái	4
71	Tủ chống ẩm	Phục vụ công tác chuyên môn	Cái	2
72	Máy scanner	Xây dựng bản tin khoa học và công nghệ	Cái	2
73	Máy in màu	Xây dựng bản tin khoa học và công nghệ	Cái	2
74	Flycam	Sản xuất chương trình truyền hình	Bộ	1
75	Hệ thống Intercom	Sản xuất chương trình truyền hình	Hệ thống	1
76	Âm thanh	Sản xuất chương trình truyền hình	Hệ thống	1
77	Video và hệ thống màn hình giám sát	Sản xuất chương trình truyền hình	Hệ thống	1
78	Chân cho camera, bộ nhắc lời cho MC	Sản xuất chương trình truyền hình	Hệ thống	1

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
79	Máy ảnh cho phóng viên tác nghiệp	Sản xuất chương trình truyền hình	Bộ	1
80	Camera Recorder	Sản xuất chương trình truyền hình	Cái	1
81	Zoom Lenses	Sản xuất chương trình truyền hình	Cái	1
82	Camera Recorder trường quay	Sản xuất chương trình truyền hình	Cái	1
III	Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm			
1	Thiết bị định vị vệ tinh GPS cầm tay	Xác định tọa độ GPS	Cái	1
2	Áp kế vi sai	Thiết bị đo chênh áp	Cái	1
3	Máy rò khí Gas hóa lỏng	Kiểm tra an toàn Gas hóa lỏng	Cái	1
4	Thiết bị đo cường độ ánh sáng	Quan trắc môi trường	Cái	2
5	Thước đo góc vạn năng	Đo các tham số phục vụ tính toán ra độ dài thang đo của máy đo điện trở tiếp đất có chỉ thị kim khi kiểm định.	Cái	2
6	Bộ thiết bị, dụng cụ phục vụ khám xét chuẩn đoán đường ống dẫn hơi nước, nước nóng, hệ thống lạnh và nồi hơi	Kiểm định an toàn lao động	Bộ	1
7	Áp kế chất lỏng	Kiểm định phương tiện đo lường	Cái	1
8	Máy đo tốc độ động cơ	Kiểm toán năng lượng	Cái	1
9	Thiết bị đo tốc độ gió, nhiệt độ và độ ẩm	Thiết bị được thiết kế sử dụng để kiểm tra các thông số chất lượng môi trường như nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ, lưu lượng gió và áp suất khí quyển.	Cái	2
10	Đồng hồ đo áp suất điện tử 0-600bar, độ phân giải 0,1 micro Ohm	Kiểm định phương tiện đo lường	Cái	1

Handwritten signature

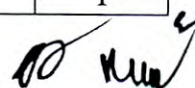
TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
11	Nhiệt ẩm kế dạng đầu dò	Kiểm định phương tiện đo lường	Cái	1
12	Máy đo nhiệt độ và phụ kiện	Kiểm định phương tiện đo lường	Cái	2
13	Bể điều nhiệt cấp	Tạo môi trường nhiệt độ cho các phép thử trong phòng thí nghiệm	Bộ	1
14	Máy lưu thông số bật tắt động cơ và đèn chiếu sáng	Đo thời gian on/off của động cơ và của đèn chiếu sáng	Cái	1
15	Thiết bị kiểm định hiệu chuẩn nồi hấp tiệt trùng và các buồng nhiệt áp y tế tới 140°C	Kiểm định hiệu chuẩn nồi hấp tiệt trùng và các buồng nhiệt áp y tế tới 140°C	Bộ	1
16	Chỉ thị áp suất chuẩn – Điện tử	Kiểm định phương tiện đo lường	Cái	1
17	Máy đo suất liều bức xạ cầm tay	Kiểm định an toàn bức xạ hạt nhân	Cái	1
18	Tủ ẩm vi sinh	Thử nghiệm vi sinh, hóa sinh	Cái	3
19	Bộ khối chuẩn V2 và IOW máy dò kiểm tra khuyết tật kim loại bằng siêu âm	Kiểm tra an toàn lao động	Bộ	1
20	Thiết bị đo điện trở tiếp đất	Kiểm tra an toàn lao động	Cái	2
21	Máy đo vi khí hậu	Quan trắc môi trường	Cái	1
22	Máy đo độ ồn tích phân	Quan trắc môi trường	Cái	2
23	Tủ sấy đối lưu cưỡng bức	Phân tích thử nghiệm hóa sinh	Cái	1
24	Bộ kim lún nhựa đường kỹ thuật số	Thí nghiệm nhựa đường	Bộ	1
25	Dụng cụ phân phối chất lỏng	Dùng trong phân tích hóa học	Bộ	1
26	Súng đo nhiệt độ từ xa bằng hồng ngoại	Kiểm tra an toàn	Cái	1
27	Thiết bị đo vận tốc dài và vận tốc quay tích hợp đo độ rung	Thiết bị cầm tay điện tử đo nhanh và chính xác các thông số: Vận tốc dài, vận tốc quay, đo độ rung	Cái	2

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
28	Máy siêu âm đo chiều dày vật liệu	Kiểm tra an toàn lao động	Bộ	1
29	Bình chuẩn kim loại hạng 1: Inox 304, Dung tích danh định V _đ = 5L	Kiểm định phương tiện đo lường	Bộ	1
30	Buồng Ion 10cc cho TNT 12000 để kiểm tra máy chụp CT	Kiểm tra thiết bị y tế	Bộ	1
31	Máy đo cường độ điện từ trường dòng điện công nghiệp	Kiểm tra an toàn lao động	Cái	1
32	Thiết bị thu thập dữ liệu nhiệt độ (Bao gồm phụ kiện kèm theo)	Kiểm tra an toàn lao động	Bộ	1
33	Bộ quả cân chuẩn F1 1kg-10kg	Kiểm định phương tiện đo lường	Bộ	1
34	Thiết bị phá mẫu DK 6	Kiểm định phương tiện đo lường	Cái	1
35	Bộ quả cân chuẩn E2 từ 1mg – 500g.	Kiểm định cân dải kiểm chuẩn: 1mg-500g	Bộ	1
36	Thiết bị đo trong hệ thống điều hòa thông hơi (phụ kiện kèm theo)	Kiểm tra an toàn lao động	Bộ	1
37	Bộ thiết bị chuẩn lực kéo nén dải nhỏ	Ứng dụng cho phép chuẩn lực cả kéo và nén	Bộ	1
38	Máy nội soi đường ống	Kiểm tra an toàn lao động	Bộ	1
39	Máy trộn Bê tông nhựa 20 lít	Thí nghiệm nhựa đường	Cái	1
40	Lò nung phòng thí nghiệm	Lò nung nhiệt độ tối đa: 1300 độ C	Cái	1
41	Máy cất nước 2 lần	Khả năng cất: 4 lít/giờ	Cái	1
42	Máy rửa nhớt kế mao quản chân không	Thí nghiệm nhựa đường	Cái	1
43	Lưu tốc kế siêu âm có đầu dò với các vòng kẹp (đo dòng chất lỏng/tốc độ)	Kiểm toán năng lượng	Cái	1

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
44	Đồng hồ chuẩn áp suất mẫu đa chức năng cấp chính xác 0.025%	Kiểm tra an toàn lao động	Cái	1
45	Máy đo khí độc đa chỉ tiêu cầm tay	Quan trắc môi trường	Cái	1
46	Bộ thiết bị kiểm định máy đo pH	Kiểm định máy đo pH	Cái	1
47	Thiết bị đo liều phóng xạ alpha, beta, gamma và tia X	Kiểm tra an toàn bức xạ hạt nhân	Cái	1
48	Tủ ẩm lạnh	Tạo môi trường nhiệt độ cho các phép thử trong phòng thí nghiệm	Cái	1
49	Bộ phá mẫu COD 6 ống	Hệ phá mẫu COD 6 ống thể tích lớn có khắc vạch 100ml	Bộ	1
50	Mẫu chuẩn để kiểm tra liều máy CT – Gammex	Kiểm tra an toàn bức xạ hạt nhân	Cái	1
51	Đồng hồ đo Micro Ohm độ chính xác cao	Đo điện trở tiếp xúc, điện trở cuộn dây, điện trở mối nối...	Cái	1
52	Thiết bị kiểm tra lực kéo bu lông bằng siêu âm	Kiểm tra an toàn	Bộ	1
53	Bộ thiết bị kiểm định phương tiện đo điện não	Kiểm tra thiết bị y tế	Bộ	1
54	Máy đo bụi môi trường hiển thị số	Quan trắc môi trường	Cái	1
55	Thiết bị phân tích chỉ số Octane/Cetane trong xăng và dầu.	Phân tích chỉ số Octane/Cetane trong xăng và dầu	Bộ	1
56	Thiết bị xác định áp lực kháng bức của vải địa.	Xác định áp lực kháng bức của vải địa	Bộ	1
57	Cân phân tích chính xác cao (250g/0.01mg)	Định lượng trong phân tích và kiểm định	Cái	1

10/11/2023

TT	 Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
58	Máy đo đa chỉ tiêu chất lượng nước tại hiện trường	Đo các chỉ tiêu pH, ORP, Temperature, Oxygen, Conductivity, Salinity, Turbidity... và đo trắc quang học với phụ kiện riêng (để đo Cl ₂ , NO ₃ , NH ₄ , Fe, DCO...)	Bộ	2
59	Tủ hút khí độc	Phân tích thử nghiệm hóa sinh	Cái	1
60	Thiết bị chưng cất Kjeldahl tự động - UDK 149	Phân tích thử nghiệm hóa sinh	Cái	1
61	Thiết bị siêu âm dò khuyết tật kim loại kỹ thuật số.	Kiểm tra khuyết tật kim loại	Cái	1
62	Đầu đo điện trường dải tần 9kHz – 300MHz	Đo cường độ điện từ trường	Cái	1
63	Máy đo nhiệt độ hóa mềm tự động.	Dùng để thí nghiệm độ hóa mềm của nhựa đường	Cái	1
64	Máy quang kế ngọn lửa điện tử hiện số	Máy được thiết kế với 5 kính lọc cho phép xác định các nguyên tố Na, K, Li, Ba & Ca.	Cái	1
65	Bộ thiết bị chuẩn lực điện tử hiệu chuẩn máy kéo, nén (Bao gồm bộ chỉ thị lực điện tử, load cell)	Kiểm định phương tiện đo lường	Bộ	1
66	Bộ thiết bị chuẩn kiểm định máy đo tiêu cự kính mắt (gồm 14 thấu kính chuẩn)	Kiểm định máy đo tiêu cự kính mắt	Bộ	1
67	Thiết bị thí nghiệm độ nhớt động học của nhựa đường.	Thí nghiệm độ nhớt động học của nhựa đường	Bộ	1
68	Lò chuẩn nhiệt độ kiểu khô dài trung tích hợp tín hiệu đầu vào cho cặp nhiệt TC và RTD và nguồn vật đen cho kiểm nhiệt kế hồng ngoại	Thí nghiệm độ nhớt động học của nhựa đường	Cái	1
69	Máy nén	Thí nghiệm nhựa đường	Cái	1

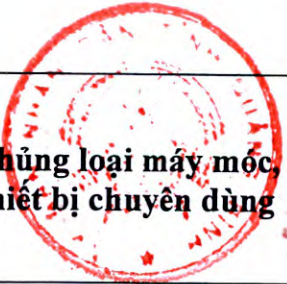


TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
70	Thiết bị phân tích chất lượng điện năng (phân tích sóng hài và các thông số điện khác)	Kiểm toán năng lượng	Bộ	1
71	Thiết bị thử aptomat	Kiểm tra thiết bị điện gia dụng	Cái	1
72	Bộ đèn nguyên tố máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AA (Cu, Pb, Zn, Cd, Mn, As, Hg, Cr) và đèn Background – 8 nguyên tố - 09	Thử nghiệm vi sinh, hóa sinh	Bộ	1
73	Thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn máy X-Quang thường quy	Kiểm định máy X-Quang thường quy	Bộ	1
74	Thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn máy X-Quang răng	Kiểm định máy X-Quang răng	Bộ	1
75	Thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn máy X-Quang tăng sáng truyền hình	Kiểm định máy X-Quang tăng sáng truyền hình	Bộ	1
76	Hệ thống thiết bị đọc liều kế cá nhân	Đọc liều kế cá nhân	Bộ	1
77	Thiết bị đo liều Nơtron xách tay	Kiểm tra an toàn bức xạ	Cái	1
78	Thiết bị nhận diện nguồn phóng xạ, đo liều và xác định vị trí	Ứng phó sự cố	Cái	1
79	Thiết bị đo nhiễm bản phóng xạ Alpha - Beta trên bề mặt	Kiểm tra an toàn bức xạ	Cái	1
80	Thiết bị đo phóng xạ Alpha - Beta trong mẫu lỏng	Kiểm tra an toàn bức xạ	Cái	1
81	Thiết bị đo mức độ khí Radon trong môi trường, không khí, nước	Kiểm tra an toàn bức xạ	Cái	1
82	Các thiết bị bảo hộ an toàn con người khi cứu hộ ứng phó sự cố an toàn phóng xạ	Ứng phó sự cố phóng xạ	Bộ	3

Handwritten signature/initials

TT	 Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
83	Bộ thiết bị kiểm định huyết áp kế lò xo và thủy ngân	Kiểm định huyết áp kế	Bộ	1
84	Bộ thiết bị kiểm định huyết áp kế điện tử	Kiểm định huyết áp kế	Bộ	1
85	Bộ thiết bị kiểm định hiệu chuẩn nhiệt kế y học (thủy tinh – thủy ngân)	Kiểm định nhiệt kế y học	Bộ	1
86	Bộ thiết bị kiểm định hiệu chuẩn nhiệt kế y học điện tử tiếp xúc có cơ cấu cực đại	Kiểm định nhiệt kế y học	Bộ	1
87	Bộ thiết bị kiểm định hiệu chuẩn nhiệt kế y học điện tử bức xạ hồng ngoại	Kiểm định nhiệt kế y học	Bộ	1
88	Tủ chuẩn nhiệt ẩm kiểm định hiệu chuẩn nhiệt ẩm kế	Hiệu chuẩn nhiệt ẩm kế	Cái	1
89	Bộ thiết bị chuẩn nhiệt đa kênh - Hiệu chuẩn các loại tủ nhiệt y tế	Hiệu chuẩn các loại tủ nhiệt y tế	Bộ	1
90	Thiết bị kiểm định phương tiện đo điện tim	Kiểm định máy điện tim	Cái	1
91	Bộ thiết bị kiểm tra, hiệu chuẩn lồng ấp trẻ sơ sinh	Kiểm tra, hiệu chuẩn lồng ấp trẻ sơ sinh	Bộ	1
92	Thiết bị kiểm tra, hiệu chuẩn máy thở và gây mê	Kiểm tra, hiệu chuẩn máy thở và gây mê	Bộ	1
93	Máy kiểm tra hiệu chuẩn máy phá rung tim	Kiểm tra hiệu chuẩn máy phá rung tim	Bộ	1
94	Bộ thiết bị kiểm tra, hiệu chuẩn máy siêu âm dùng trong y tế	Kiểm tra, hiệu chuẩn máy siêu âm	Bộ	1
95	Mẫu chuẩn kiểm tra các hệ thống máy siêu âm 3D & 4D	Kiểm tra, hiệu chuẩn máy siêu âm	Bộ	1
96	Thiết bị đo công suất siêu âm của các thiết bị siêu âm chuẩn đoán hoặc điều trị	Kiểm tra, hiệu chuẩn máy siêu âm	Bộ	1

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
97	Thiết bị kiểm tra, đánh giá chất lượng đầu dò máy siêu âm	Kiểm tra, hiệu chuẩn máy siêu âm	Bộ	1
98	Thiết bị kiểm tra máy đo chất lượng nước RO cho lọc thận	Kiểm tra máy đo chất lượng nước RO cho lọc thận	Bộ	1
99	Bộ thiết bị kiểm tra, hiệu chuẩn máy truyền dịch và bơm tiêm điện	Kiểm tra, hiệu chuẩn máy truyền dịch và bơm tiêm điện	Bộ	1
100	Thiết bị đo nồng độ các loại khí y tế	Kiểm tra nồng độ các loại khí y tế	Bộ	1
101	Thiết bị kiểm tra/hiệu chuẩn máy theo dõi bệnh nhân	Kiểm tra/hiệu chuẩn máy theo dõi bệnh nhân	Bộ	1
102	Hệ thống thiết bị kiểm tra/hiệu chuẩn máy nội soi ống cứng và ống mềm	Kiểm tra/hiệu chuẩn máy nội soi	Bộ	1
103	Thiết bị kiểm tra, hiệu chuẩn dao mổ điện cao tần và tần số radio	Kiểm tra, hiệu chuẩn dao mổ điện cao tần và tần số radio	Bộ	1
104	Thiết bị đo điện trở cách điện cao tần và Dao mổ điện dùng sóng radio	Kiểm tra an toàn Dao mổ điện dùng sóng radio	Bộ	1
105	Thiết bị phân tích kiểm tra an toàn điện cho các máy y tế	Kiểm tra an toàn điện cho các máy y tế	Cái	1
106	Thiết bị kiểm tra, hiệu chuẩn các bộ cảm biến kiểu khí nén	Kiểm tra, hiệu chuẩn các bộ cảm biến kiểu khí nén	Bộ	1
107	Thiết bị kiểm tra, hiệu chuẩn phương tiện đo khúc xạ mắt	Kiểm tra, hiệu chuẩn máy đo khúc xạ mắt	Bộ	1
108	Thiết bị kiểm tra, hiệu chuẩn phương tiện đo thính lực	Kiểm tra, hiệu chuẩn máy đo thính lực	Bộ	1
109	Thiết bị kiểm tra, hiệu chuẩn máy li tâm, máy lắc	Kiểm tra, hiệu chuẩn máy li tâm, máy lắc	Cái	1
110	Thiết bị kiểm tra/hiệu chuẩn máy xét nghiệm sinh hóa	Kiểm tra/hiệu chuẩn máy xét nghiệm sinh hóa	Bộ	1

TT	 Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
111	Thiết bị kiểm tra/hiệu chuẩn máy xét nghiệm huyết học	Kiểm tra/hiệu chuẩn máy xét nghiệm huyết học	Bộ	1
112	Thiết bị kiểm tra/hiệu chuẩn máy xét nghiệm nước tiểu	Kiểm tra/hiệu chuẩn máy xét nghiệm nước tiểu	Bộ	1
113	Thiết bị kiểm tra/hiệu chuẩn máy Carm hỗ trợ phẫu thuật	Kiểm tra/hiệu chuẩn máy Carm hỗ trợ phẫu thuật	Bộ	1
114	Thiết bị kiểm tra/hiệu chuẩn Máy chụp mạch	Kiểm tra/hiệu chuẩn máy chụp mạch	Bộ	1
115	Thiết bị kiểm tra, hiệu chuẩn máy theo dõi SPO2	Kiểm tra, hiệu chuẩn máy theo dõi SPO2	Bộ	1
116	Mẫu chuẩn kiểm tra chất lượng máy cộng hưởng từ	Kiểm tra chất lượng máy cộng hưởng từ	Bộ	1
117	Thiết bị đo bức xạ quang trị liệu (đèn chiếu vàng da)	Kiểm tra an toàn đèn chiếu vàng da	Cái	1
118	Thiết bị kiểm tra, hiệu chuẩn máy điều trị sóng ngắn	Kiểm tra, hiệu chuẩn máy điều trị sóng ngắn	Cái	1
119	Thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn các loại máy trong y tế khác	Kiểm định, hiệu chuẩn các loại máy trong y tế khác	Bộ	1
120	Bộ thiết bị kiểm định thước cuộn, thước thương nghiệp, các loại thước đo độ dài	Kiểm định hiệu chuẩn các loại thước	Bộ	1
121	Thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn đồng hồ so đến 25, 50, 100 mm	Kiểm định, hiệu chuẩn đồng hồ so	Bộ	1
122	Bộ thiết bị hiệu chuẩn thước cặp, panme	Kiểm định hiệu chuẩn thước cặp, panme	Bộ	1
123	Thiết bị đo độ dài vạn năng hiệu chuẩn các thiết bị dụng cụ đo độ dài	Hiệu chuẩn các thiết bị dụng cụ đo độ dài	Bộ	1
124	Thiết bị hiệu chuẩn các máy đo tọa độ, bàn máp, đo kiểm máy so dao và các loại máy công cụ, máy đo khoảng cách	Hiệu chuẩn các máy đo tọa độ, bàn máp, đo kiểm máy so dao và các loại máy công cụ, máy đo khoảng cách	Bộ	1

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
125	Thiết bị hiệu chuẩn phương tiện đo toàn đạc (kinh vĩ, thủy bình)	Kiểu chuẩn máy đo toàn đạc, kinh vĩ, thủy bình	Bộ	1
126	Hệ thống thiết bị kiểm định Taximet lưu động	Kiểm định Taximet	Bộ	1
127	Hệ thống thiết bị kiểm định Taximet cố định	Kiểm định Taximet	Bộ	1
128	Thiết bị hiệu chuẩn máy đo tốc độ vòng quay	Hiệu chuẩn máy đo tốc độ vòng quay	Bộ	1
129	Các loại thiết bị đo độ dài: Thước vạch chuẩn, panme đo ngoài, thước cuộn, thước lá, thước cặp hiện số, thước góc, thước lá, thước laser, bộ căn mẫu chuẩn, Ni vo.	Đo độ dài	Bộ	3
130	Thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo độ dài khác	Kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo độ dài khác	Bộ	1
131	Các loại quả cân chuẩn khối lượng hạng E1, E2, F1, F2, M1, M2 các dải đo	Kiểm định, hiệu chuẩn cân	Bộ	1
132	Các loại cân chuẩn kiểm định, hiệu chuẩn quả cân E1, E2, F1, F2, M1, M2	Kiểm định, hiệu chuẩn quả cân	Bộ	1
133	Bộ thiết bị kiểm định cân treo móc cầu	Kiểm định cân treo móc cầu	Bộ	1
134	Bộ xích chuẩn kiểm định cân băng tải	Kiểm định cân băng tải	Bộ	1
135	Bộ thiết bị kiểm định cân quá tải xách tay	Kiểm định cân quá tải xách tay	Bộ	1
136	Các loại cân phân tích, cân kỹ thuật, cân đĩa, cân bàn, cân đồng hồ lò xo	Phục vụ cân đo mẫu, thử nghiệm	Bộ	3
137	Thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo khối lượng khác	Kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo khối lượng khác	Bộ	1

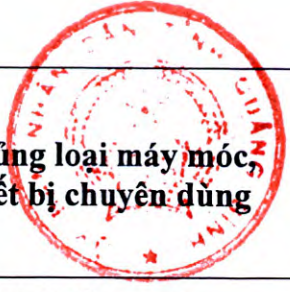
Đỗ Văn 2

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
138	Bộ thiết bị hiệu chuẩn dụng cụ đo momen lực, cờ lê lực, tuốc lô vít lực	Hiệu chuẩn các loại thiết bị đo lực	Bộ	1
139	Thiết bị đo lực, đo mô men	Đo lực, đo mô men	Bộ	1
140	Thiết bị kiểm định máy đo độ cứng Vicker, Brinell, Rockwell	Đo độ cứng Vicker, Brinell, Rockwell kim loại	Bộ	1
141	Thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo lực khác	Kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo lực khác	Bộ	1
142	Bàn kiểm định đồng hồ nước lạnh kiểu điện tử và cơ khí	Kiểm định đồng hồ nước lạnh	Bộ	1
143	Thiết bị lưu động kiểm tra đồng hồ nước	Kiểm định đồng hồ nước lạnh lưu động	Bộ	1
144	Các loại Pipet chuẩn thể tích 2L, 5L, 10L, 50L	Kiểm định hiệu chuẩn thiết bị dung tích	Bộ	1
145	Các loại bình chuẩn Hạng I, Hạng II thể tích khác nhau	Kiểm định hiệu chuẩn thiết bị dung tích	Bộ	2
146	Bộ thiết bị kiểm định bể đóng cố định	Kiểm định bể đóng cố định	Bộ	1
147	Bộ bình chuẩn dung tích thủy tinh kiểm định bình đóng, ca đóng	Kiểm định bình đóng, ca đóng	Bộ	1
148	Bộ thiết bị hiệu chuẩn Pipet	Hiệu chuẩn Pipet	Bộ	1
149	Hệ thống kiểm định xi téc ô tô	Kiểm định xi téc ô tô	Bộ	1
150	Thiết bị hiệu chuẩn máy lấy mẫu khí môi trường	Hiệu chuẩn máy lấy mẫu khí môi trường	Cái	1
151	Hệ thống thiết bị hiệu chuẩn máy đo tốc độ	Hiệu chuẩn máy đo tốc độ	Cái	1
152	Thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo dung tích khác	Kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo dung tích khác	Bộ	1

Đỗ Ngun

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
153	Nguồn chuẩn điểm sương hiệu chuẩn các thiết bị, cảm biến điểm sương	Chuẩn điểm sương đối với các thiết bị nhiệt độ	Bộ	1
154	Bộ thiết bị kiểm định hiệu chuẩn nhiệt kế bức xạ hồng ngoại	Kiểm định hiệu chuẩn nhiệt kế bức xạ hồng ngoại	Bộ	1
155	Nhiệt kế chỉ thị hiện số	Kiểm định hiệu chuẩn thiết bị nhiệt	Bộ	3
156	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng chuẩn	Kiểm định hiệu chuẩn thiết bị nhiệt	Bộ	3
157	Thiết bị kiểm định phương tiện đo độ ẩm hạt nông sản	Kiểm định phương tiện đo độ ẩm hạt nông sản	Bộ	1
158	Thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo nhiệt khác	Kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo nhiệt khác	Bộ	1
159	Bộ thiết bị kiểm định thiết bị đo áp suất khí quyển (Baromet)	Kiểm định thiết bị đo áp suất	Bộ	1
160	Chuẩn áp suất kiểu Pít tông đến 1200 bar, cấp chính xác cao	Kiểm định thiết bị đo áp suất	Bộ	1
161	Bộ thiết bị kiểm định áp kế điện tử đến 1000 bar, cấp chính xác cao	Kiểm định thiết bị đo áp suất	Bộ	1
162	Bàn tạo áp, áp kế chuẩn cấp chính xác cao	Kiểm định thiết bị đo áp suất	Bộ	1
163	Áp kế (đồng hồ đo áp suất) các dải đo	Đo áp suất trong kiểm định, thử nghiệm	Bộ	2
164	Thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo áp suất khác	Kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo áp suất khác	Bộ	1
165	Bàn kiểm định công tơ điện 1 pha, 3 pha kiểu cảm ứng và điện tử	Kiểm định công tơ điện 1 pha, 3 pha kiểu cảm ứng và điện tử	Bộ	2
166	Thiết bị kiểm định công tơ điện lưu động trên lưới	Phục vụ thanh kiểm tra	Bộ	1

Đỗ Hùng

TT	 Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
167	Bộ thiết bị kiểm định phương tiện đo điện trở tiếp đất	Kiểm định máy đo điện trở tiếp đất	Bộ	1
168	Bộ thiết bị kiểm định phương tiện đo điện trở cách điện	Kiểm định máy đo điện trở cách điện	Bộ	1
169	Bộ thiết bị kiểm định máy đo biến dòng, biến áp đo lường (TU, TI)	Kiểm định máy đo biến dòng, biến áp đo lường	Bộ	1
170	Thiết bị kiểm tra độ bền cách điện	Thử nghiệm độ bền cách điện	Cái	2
171	Thiết bị đo điện trở cách điện	Đo điện trở cách điện	Cái	2
172	Bộ thiết bị kiểm định đồng hồ vạn năng	Kiểm định đồng hồ vạn năng	Bộ	1
173	Nguồn chuẩn đa năng AC/DC	Tạo nguồn chuẩn	Cái	1
174	Hộp điện trở thập phân	Kiểm định máy đo điện trở	Cái	1
175	Quả cầu bằng gỗ sơn đen với lưới kim loại	Thử nghiệm điện gia dụng	Cái	1
176	Bình dùng cho thử nghiệm bếp điện và ngăn giữ nóng	Thử nghiệm điện gia dụng	Cái	1
177	Bình dùng cho thử nghiệm bếp điện cảm ứng	Thử nghiệm điện gia dụng	Cái	1
178	Lực kế kèm bộ đầu thử	Thử nghiệm điện gia dụng	Bộ	1
179	Bộ thiết bị thử nghiệm bảo vệ chống chạm vào các bộ phận mang điện	Thử nghiệm điện gia dụng	Bộ	1
180	Thiết bị thử nghiệm kiểm tra độ phát nóng	Thử nghiệm điện gia dụng	Cái	1
181	Thiết bị thử nghiệm quá điện áp quá độ	Thử nghiệm điện gia dụng	Cái	1
182	Tủ thử nghiệm nhiệt độ, độ ẩm	Thử nghiệm điện gia dụng	Cái	1

Đỗ Như

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
183	Thiết bị thử nghiệm hoạt động không bình thường của ấm điện	Thử nghiệm điện gia dụng	Bộ	1
184	Thiết bị thử nghiệm độ bền công tắc lò nướng bánh mỳ	Thử nghiệm điện gia dụng	Cái	1
185	Bàn nghiêng (thử nghiệm sự ổn định và nguy hiểm cơ học)	Thử nghiệm điện gia dụng	Cái	1
186	Búa thử và đập (thử nghiệm độ bền cơ học)	Thử nghiệm điện gia dụng	Bộ	1
187	Thiết bị thử nghiệm độ bền cơ kiểu thùng quay	Thử nghiệm điện gia dụng	Bộ	1
188	Thiết bị thử rơi cho bàn là	Thử nghiệm điện gia dụng	Bộ	1
189	Thiết bị thử khả năng chịu áp lực cho bình đun nước nóng, van áp suất của bình	Thử nghiệm điện gia dụng	Bộ	1
190	Thiết bị đo mức rò sóng của lò vi sóng	Thử nghiệm điện gia dụng	Bộ	1
191	Thiết bị kiểm tra mômen xoắn (cho các cấu kiện)	Thử nghiệm điện gia dụng	Bộ	1
192	Thiết bị thử độ bền các tiếp điểm đầu nối của ấm điện không dây	Thử nghiệm điện gia dụng	Bộ	1
193	Thiết bị thử tải kéo theo chu kỳ	Thử nghiệm điện gia dụng	Bộ	1
194	Thiết bị thử bẻ gấp dây nguồn	Thử nghiệm điện gia dụng	Bộ	1
195	Thiết bị thử độ mềm dẻo của cáp	Thử nghiệm điện gia dụng	Bộ	1
196	Thiết bị thử độ dẫn dài, thử uốn, thử va đập cho cách điện của dây điện ở điều kiện lạnh	Thử nghiệm điện gia dụng	Bộ	1
197	Thiết bị đo khe hở không khí, chiều dài đường rò	Thử nghiệm điện gia dụng	Bộ	1

Đỗ Văn

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
198	Thiết bị kiểm tra an toàn điện	Thử nghiệm điện gia dụng	Cái	1
199	Các thiết bị thử nghiệm điện gia dụng khác	Thử nghiệm điện gia dụng	Bộ	1
200	Hệ thống thiết bị kiểm định phương tiện đo nồng độ cồn	Kiểm định phương tiện đo nồng độ cồn	Bộ	1
201	Hệ thống thiết bị kiểm định phương tiện đo khí thải xe cơ giới	Kiểm định phương tiện đo khí thải xe cơ giới	Bộ	1
202	Thiết bị kiểm định phương tiện đo nồng độ SO ₂ , CO, NO, NO ₂ môi trường	Kiểm định phương tiện đo nồng độ SO ₂ , CO, NO, NO ₂ môi trường	Bộ	1
203	Thiết bị kiểm định phương tiện đo tổng chất rắn hòa tan trong nước	Kiểm định phương tiện đo tổng chất rắn hòa tan trong nước	Bộ	1
204	Thiết bị hiệu chuẩn phương tiện đo độ ồn	Hiệu chuẩn phương tiện đo độ ồn	Bộ	1
205	Thiết bị hiệu chuẩn phương tiện đo độ rung	Hiệu chuẩn phương tiện đo độ rung	Bộ	1
206	Bộ chuẩn tỷ trọng kế	Kiểm định, hiệu chuẩn tỷ trọng kế	Bộ	1
207	Đe hiệu chuẩn súng bột nảy	hiệu chuẩn súng bột nảy trong xây dựng	Cái	1
208	Đồng hồ bấm giây chuẩn	Phục vụ công tác kiểm định	Cái	1
209	Các thiết bị kiểm định hiệu chuẩn các phương tiện đo hóa lý khác	Kiểm định hiệu chuẩn các phương tiện đo hóa lý khác	Bộ	1
210	Thiết bị đo và phân tích hàm lượng lưu huỳnh và kim loại nặng trong xăng dầu	Kiểm tra chất lượng xăng dầu	Bộ	1
211	Thiết bị đo và phân tích hàm lượng độc tố trong đồ chơi trẻ em và hàng tiêu dùng, linh kiện điện tử	Kiểm tra đồ chơi trẻ em	Bộ	1

Đỗ Hữu

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
212	Thiết bị xác định hàm lượng vàng trang sức mỹ nghệ bằng phương pháp huỳnh quang tia X	Kiểm tra tuổi vàng trang sức mỹ nghệ	Bộ	1
213	Bộ mẫu chuẩn vàng	Kiểm tra tuổi vàng trang sức mỹ nghệ	Bộ	1
214	Bộ lực kế điện tử (tải max 2,5,10,25,50 tấn)	Phục vụ kiểm định các thiết bị an toàn	Bộ	2
215	Bàn tạo áp suất khí nén	Phục vụ kiểm định các thiết bị an toàn	Cái	1
216	Bơm áp lực dải trung đến 40 bar	Phục vụ kiểm định các thiết bị an toàn	Cái	2
217	Bơm thử áp lực điều khiển điện dải cao 70 bar/100 bar	Phục vụ kiểm định các thiết bị an toàn	Cái	1
218	Bộ dụng cụ kiểm tra khuyết tật bề mặt kim loại bằng phương pháp từ tính	Phục vụ kiểm định các thiết bị an toàn	Bộ	1
219	Bộ dụng cụ kiểm tra khuyết tật bề mặt kim loại bằng phương pháp thẩm thấu	Phục vụ kiểm định các thiết bị an toàn	Bộ	1
220	Thiết bị kiểm tra khuyết tật, chất lượng cáp thép bằng phương pháp không phá hủy	Phục vụ kiểm định các thiết bị an toàn	Bộ	1
221	Thiết bị siêu âm đo mực chất lỏng trong chai chứa, bình chứa cứu hỏa	Phục vụ kiểm định các thiết bị an toàn	Cái	1
222	Bộ thiết bị lưu động kiểm định van an toàn Online (kiểm định/ cân chỉnh van an toàn tại nhà máy)	Phục vụ kiểm định các thiết bị an toàn	Bộ	1
223	Bộ thiết bị lưu động kiểm định van an toàn Offline (kiểm định/ cân chỉnh van an toàn tại phòng thí nghiệm - tại nhà máy)	Phục vụ kiểm định các thiết bị an toàn	Bộ	1
224	Hệ thống thiết bị kiểm định chai chứa khí hóa lỏng	Phục vụ kiểm định các thiết bị an toàn	Bộ	1

Đỗ Như



TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
225	Máy thủy bình	Phục vụ kiểm định các thiết bị an toàn	Cái	1
226	Máy toàn đạc	Phục vụ kiểm định các thiết bị an toàn	Cái	1
227	Các thiết bị khác phục vụ công tác kiểm định kỹ thuật an toàn	Phục vụ kiểm định các thiết bị an toàn	Bộ	1
228	Ampe kìm	Phục vụ kiểm toán năng lượng	Cái	2
229	Thiết bị đo chênh áp	Phục vụ kiểm toán năng lượng	Cái	2
230	Cân phân tích 5 số (0,00001 gam)	TN hóa sinh, môi trường	Cái	1
231	Máy đo cường độ điện từ trường tần số Radio	Quan trắc môi trường	Máy	1
232	Dụng cụ lấy mẫu nước	Quan trắc môi trường	Bộ	1
233	Dụng cụ lấy mẫu bùn	Quan trắc môi trường	Bộ	1
234	Fly cam	Quan trắc môi trường	Bộ	1
235	Hệ thống sắc ký lỏng khối phổ LC/MS/MS	TN hóa sinh, môi trường	Máy	1
236	Bộ thiết bị chưng cất CYANIDE	TN hóa sinh, môi trường	Bộ	2
237	Máy nghiền mẫu rắn	Xử lý mẫu quặng, đất, phân bón....	Cái	2
238	Máy đập mẫu	Xử lý mẫu thịt, thủy sản	Cái	1
239	Kính hiển vi điện tử	TN hóa sinh, môi trường	Cái	2
240	Thiết bị lấy mẫu bụi ống khói theo ISO KINETIC	Quan trắc môi trường	Bộ	1
241	Thiết bị đo Florua trong nước	Quan trắc môi trường	Máy	1
242	Thiết bị đo tổng hoạt độ alpha - beta	TN hóa sinh, môi trường	Máy	1
243	Thiết bị đo nhiệt độ, áp suất, lưu tốc khí thải ống khói	Quan trắc môi trường	Máy	1

Handwritten signature and initials.

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
244	Tủ môi trường kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm	TN hóa sinh, môi trường	Bộ	1
245	Máy đồng nhất mẫu	TN hóa sinh, môi trường	Máy	1
246	Máy quang phổ huỳnh quang tia X	TN hóa sinh, môi trường	Máy	1
247	Thiết bị LC-ICPMS (phân tích dạng cá kim loại độc: As3, As5, Cr3, Cr6, Hg vô cơ, hữu cơ)	TN hóa sinh, môi trường	Máy	1
248	Bếp cách thủy	TN hóa sinh, môi trường	Máy	2
249	Nhiệt ẩm kế	Theo dõi PTN	Cái	3
250	Cân phân tích 4 số (0,0001 gam)	TN hóa sinh, môi trường	Cái	1
251	Máy phân tích quang phổ UV-VIS	TN hóa sinh, môi trường	Máy	2
252	Máy phân tích Quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS	TN hóa sinh, môi trường	Máy	2
253	Tủ bảo quản mẫu	TN hóa sinh, môi trường	Cái	3
254	Thiết bị vi sinh đã ngoại	TN hóa sinh, môi trường	Cái	1
255	Máy đo rung	Quan trắc môi trường	Máy	1
256	Máy lắc Vortex	TN hóa sinh, môi trường	Cái	1
257	Máy chuẩn độ điện thế	TN hóa sinh, môi trường	Máy	1
258	Thiết bị đếm khuẩn lạc	TN hóa sinh, môi trường	Máy	1
259	Bơm lấy mẫu bụi 500 - 1000 lít/phút	Quan trắc môi trường	Máy	2
260	Dụng cụ lấy mẫu đất	Quan trắc môi trường	Bộ	1
261	Bơm hút chân không	TN hóa sinh, môi trường	Máy	2
262	Bộ chiết chất béo	TN hóa sinh, môi trường	Bộ	1
263	Khúc xạ kế	TN hóa sinh, môi trường	Cái	1
264	Bộ chưng cất làm giàu dung dịch chiết	TN hóa sinh, môi trường	Bộ	1
265	Thiết bị chiết pha rắn	TN hóa sinh, môi trường	Bộ	1

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
266	Bộ chiết Soxhlet	TN hóa sinh, môi trường	Bộ	2
267	Máy khuấy từ có gia nhiệt	TN hóa sinh, môi trường	Bộ	2
268	Máy đếm hạt bụi	Quan trắc môi trường	Bộ	1
269	Bộ máy cô quay chân không	TN hóa sinh, môi trường	Bộ	1
270	Máy rửa dụng cụ thí nghiệm bằng sóng siêu âm	TN hóa sinh, môi trường	Bộ	2
271	Nồi hấp tiệt trùng	TN hóa sinh, môi trường	Bộ	3
272	Chén platin	TN hóa sinh, môi trường	Bộ	2
273	Tủ môi trường đo BOD	TN hóa sinh, môi trường	Bộ	2
274	Máy hút ẩm	TN hóa sinh, môi trường	Máy	2
275	Máy ly tâm lạnh	TN hóa sinh, môi trường	Máy	1
276	Thiết bị đo tốc độ dòng chảy	Quan trắc môi trường	Bộ	1
277	Thiết bị cô đuổi dung môi	TN hóa sinh, môi trường	Bộ	1
278	Bơm lấy mẫu không khí	Quan trắc môi trường	Bộ	2
279	Thiết bị phá mẫu vi sóng	TN hóa sinh, môi trường	Máy	1
280	Tủ bảo quản hóa chất, chất chuẩn	TN hóa sinh, môi trường	Cái	2
281	Bình hấp thụ khí Midget-impinger	Quan trắc môi trường	Bộ	2
282	Hệ thống sắc ký khí khối phổ	TN hóa sinh, môi trường	Máy	1
283	Tủ cấy vi sinh	TN hóa sinh, môi trường	Bộ	1
284	Máy lắc ngang	TN hóa sinh, môi trường	Máy	2
285	Cân kỹ thuật	TN hóa sinh, môi trường	Cái	2
286	Máy đo khí thải ống khói	Quan trắc môi trường	Máy	1
287	Thiết bị thử nghiệm phân tích các chỉ tiêu hóa lý khác	Phân tích các chỉ tiêu hóa lý khác	Bộ	1
288	Thiết bị thử độ cứng, cường độ mặt bê tông nhẹ, thạch cao	Thí nghiệm bê tông nhẹ	Bộ	3
289	Thiết bị cảm biến đo chuyển vị của kết cấu	Kiểm định thử tải cầu, các kết cấu công trình	Bộ	3

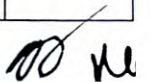
00 NUN

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
290	Thiết bị thu thập đo độ võng, biến dạng, ứng suất, nhiệt độ của kết cấu	Kiểm định thử tải cầu, các kết cấu công trình	Bộ	3
291	Thiết bị đo dao động, góc xoay của kết cấu	Kiểm định thử tải cầu, các kết cấu công trình	Bộ	3
292	Thiết bị xác định mức độ ăn mòn của cốt thép trong bê tông	Xác định mức độ ăn mòn của cốt thép trong bê tông	Cái	1
293	Thiết bị xác định độ thấm ion Clo qua bê tông nặng bằng phương pháp đo điện lượng	Xác định độ thấm ion Clo qua bê tông	Cái	1
294	Thiết bị xác định sức chịu tải của cọc- phương pháp thử biến dạng lớn PDA	Xác định sức chịu tải của cọc	Bộ	1
295	Côn Abrams đo đường kính chảy của hỗn hợp bê tông tự lèn	Đo đường kính chảy của hỗn hợp bê tông tự lèn	Cái	1
296	Thiết bị xác định khả năng tự lèn và khả năng chảy qua khe kẽ cốt thép trên khuôn J-Ring của bê tông tự lèn	Xác định khả năng tự lèn và khả năng chảy qua khe kẽ cốt thép	Cái	1
297	Thiết bị xác định khả năng tự lèn, khả năng chảy qua khe kẽ cốt thép trên khuôn V-Funnel - của bê tông tự lèn	Xác định khả năng tự lèn và khả năng chảy qua khe kẽ cốt thép	Cái	1
298	Thiết bị xác định khả năng chống phân tầng của bê tông tự lèn	Xác định khả năng chống phân tầng	Cái	1
299	Thiết bị xác định tỷ lệ chiều cao của hỗn hợp bê tông tự lèn ở đầu và cuối khuôn hình chữ L	Xác định tỷ lệ chiều cao của hỗn hợp bê tông tự lèn	Cái	1
300	Thiết bị kiểm tra độ không kín nước của ống cống	Kiểm tra chất lượng ống cống	Bộ	1
301	Thiết bị phát điện	Thiết bị phục vụ	Cái	1

10 Nuu



TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
302	Thiết bị xác định độ bền cắt của đá trong phòng thí nghiệm	Xác định độ bền cắt của đá	Cái	1
303	Thiết bị xác định độ cứng shore	Đo độ cứng vật liệu cao su	Cái	1
304	Thiết bị gia công mẫu nhựa cao su	Tạo mẫu thí nghiệm	Cái	1
305	Mẫu chuẩn vật liệu xi măng	Xác định độ mịn của xi măng	Cái	20
306	Thiết bị xác định thời gian đông kết của vữa tươi	Xác định thời gian đông kết của vữa	Cái	1
307	Phễu đo độ lưu động của vữa	Đo độ lưu động của vữa	Cái	1
308	Thiết bị phân tích thành phần hóa học của kim loại	Xác định thành phần hóa học của kim loại	Bộ	1
309	Thiết bị xác định độ dai khi va đập của kim loại	Xác định độ dai khi va đập của kim loại	Cái	1
310	Thiết bị tạo mẫu xác định độ dai va đập	Xác định độ dai khi va đập của kim loại	Cái	1
311	Thiết bị thử nghiệm sự làm việc đồng bộ giữa cáp và nôm neo công tác	Thử nghiệm cơ lý cáp	Bộ	1
312	Thiết bị xác định độ tụt neo cáp	Thử nghiệm cơ lý neo	Bộ	1
313	Gian khoan địa chất	Thiết bị phục vụ	Bộ	1
314	Thiết bị đo lún	Quan trắc lún	Bộ	1
315	Bình hút chân không	Thiết bị phục vụ	Cái	1
316	Thiết bị chưng cất nhựa đường	Chưng cất nhựa đường	Bộ	1
317	Thiết bị thí nghiệm hằn lún vết bánh xe Wheel Tracking	Thử độ sâu vết hằn bánh xe đối với bê tông nhựa	Bộ	1
318	Thiết bị xác định hệ số đương lượng ES	Xác định hệ số đương lượng ES	Bộ	1
319	Thiết bị xác định hàm lượng paraffin của nhựa đường	Xác định hàm lượng paraffin của nhựa đường	Bộ	1



TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
320	Thiết bị xác định độ nhớt của nhựa đường bằng nhớt kế Brookfield	Xác định độ nhớt của nhựa đường bằng nhớt kế Brookfield	Bộ	1
321	Thiết bị xác định đặc tính chống nứt ở nhiệt độ thấp của nhựa đường bằng thiết bị kéo trực tiếp	Xác định đặc tính chống nứt ở nhiệt độ thấp của nhựa đường	Bộ	1
322	Thiết bị xác định kích thước lỗ của vải địa (sàng khô)	Xác định kích thước lỗ của vải địa	Bộ	1
323	Thiết bị xác định độ bền kháng tia cực tím của vải địa	Xác định độ bền kháng tia cực tím của vải địa	Bộ	1
324	Thiết bị đo khả năng thoát nước của bậc thấm	Đo thoát nước của bậc thấm	Bộ	1
325	Thiết bị xác định hàm lượng chất tạo màng	Thử nghiệm sơn, vici	Bộ	1
326	Thiết bị xác định hàm lượng hạt thủy tinh	Thử nghiệm sơn, vici	Bộ	1
327	Thiết bị xác định độ phát sáng	Thử nghiệm sơn, vici	Bộ	1
328	Thiết bị xác định độ bền nhiệt của sơn vạch đường nhiệt dẻo.	Thử nghiệm sơn, vici	Bộ	1
329	Thiết bị xác định độ mài mòn của sơn vạch đường nhiệt dẻo	Thử nghiệm sơn, vici	Bộ	1
330	Thiết bị xác định độ kháng chảy	Thử nghiệm vải địa, bậc thấm	Bộ	1
331	Thiết bị xác định khối lượng riêng	Thử nghiệm vải địa, bậc thấm	Bộ	1
332	Thiết bị xác định độ chống trượt	Thử nghiệm vải địa, bậc thấm	Bộ	1
333	Thiết bị xác định hệ số phản quang	Thử nghiệm vải địa, bậc thấm	Bộ	1
334	Thiết bị xác định nhiệt độ hóa mềm	Thử nghiệm vải địa, bậc thấm	Bộ	1



TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
335	Thiết bị xác định chiều dày màng sơn	Thử nghiệm vải địa, bậc thấm	Bộ	1
336	Thiết bị xác định độ nghiêng mặt;	Thử nghiệm vải địa, bậc thấm	Bộ	1
337	Thiết bị cắt xác định độ bám đính của màng sơn	Thử nghiệm vải địa, bậc thấm	Bộ	1
338	Thiết bị xác định màu sắc	Thử nghiệm vải địa, bậc thấm	Bộ	1
339	Thiết bị khuấy sơn	Thử nghiệm vải địa, bậc thấm	Cái	1
340	Thiết bị nghiền sơn	Thử nghiệm vải địa, bậc thấm	Cái	1
341	Thiết bị xác định khối lượng riêng	Thử nghiệm Bentonite	Bộ	1
342	Thiết bị xác định độ ổn định	Thử nghiệm Bentonite	Bộ	1
343	Thiết bị xác định độ pH	Thử nghiệm Bentonite	Bộ	1
344	Thiết bị xác định lực cắt tĩnh	Thử nghiệm Bentonite	Bộ	1
345	Thiết bị xác định hàm lượng cát	Thử nghiệm Bentonite	Bộ	1
346	Thiết bị xác định độ dày áo sét	Thử nghiệm Bentonite	Bộ	1
347	Thiết bị xác định lượng tách nước	Thử nghiệm Bentonite	Bộ	1
348	Thiết bị độ nhớt phổ March	Thử nghiệm Bentonite	Bộ	1
349	Thiết bị xác định tỷ lệ keo (độ trương nở)	Thử nghiệm Bentonite	Bộ	1
350	Bộ thiết bị xác định độ lọt khí	Thí nghiệm kiểm tra cửa	Bộ	1
351	Bộ thiết bị xác định độ kín nước	Thí nghiệm kiểm tra cửa	Bộ	1
352	Bộ thiết bị xác định độ bền áp lực gió	Thí nghiệm kiểm tra cửa	Bộ	1
353	Bộ thiết bị xác định độ bền góc hàn thanh profile U-PVC	Thí nghiệm kiểm tra cửa	Bộ	1

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
354	Bộ thiết bị xác định lực đóng	Thí nghiệm kiểm tra cửa	Bộ	1
355	Bộ thiết bị thử nghiệm đóng và mở lặp lại	Thí nghiệm kiểm tra cửa	Bộ	1
356	Bộ thiết bị xác định độ cách âm	Thí nghiệm kiểm tra cửa	Bộ	1
357	Bộ thiết bị thử nghiệm khả năng chịu lửa	Thí nghiệm kiểm tra cửa	Bộ	1
358	Bộ thiết bị xác định độ bền va đập	Thí nghiệm kiểm tra cửa	Bộ	1
359	Thiết bị xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan	Thí nghiệm kính xây dựng	Bộ	1
360	Thiết bị xác định độ cong vênh	Thí nghiệm kính xây dựng	Bộ	1
361	Thiết bị xác định độ biến dạng quang học	Thí nghiệm kính xây dựng	Bộ	1
362	Thiết bị xác định độ truyền sáng	Thí nghiệm kính xây dựng	Bộ	1
363	Thiết bị xác định độ bền va đập	Thí nghiệm kính xây dựng	Bộ	1
364	Thiết bị thử nghiệm các loại vật liệu xây dựng khác	Thử nghiệm các loại vật liệu xây dựng khác	Bộ	1
365	Máy hút ẩm	Tạo môi trường kiểm định, thử nghiệm, hiệu chuẩn	Cái	5
366	Điều hòa không khí	Tạo môi trường kiểm định, thử nghiệm, hiệu chuẩn	Cái	5
367	Máy chiếu	Phục vụ hội thảo chuyên môn	Cái	1
368	Thiết bị kiểm định máy chụp X quang vú	Kiểm định máy chụp X quang vú	Bộ	1
369	Thiết bị kiểm định máy đo mật độ loãng xương	Kiểm định máy đo mật độ loãng xương	Bộ	1
370	Đồng hồ lưu lượng chuẩn	Hiệu chuẩn lưu lượng kế	Bộ	2
371	Thiết bị kiểm định trạm biến áp	Kiểm định trạm biến áp	Bộ	1

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
372	Bộ chưng cất sunfua	Phân tích, thử nghiệm hóa sinh	Máy	1
373	Bộ chưng cất TSS	Phân tích, thử nghiệm hóa sinh	Bộ	1
374	Bơm chân không hút hơi khí độc	Phân tích, thử nghiệm hóa sinh	Máy	1
375	Thiết bị chưng cất đạm Kjeldahl tự động	Phân tích, thử nghiệm hóa sinh	Máy	1
376	Thiết bị kiểm tra chất lượng cọc bê tông bằng phương pháp PDA	Kiểm tra chất lượng công trình xây dựng	Bộ	1
377	Máy phân tích nồng độ dầu trong nước	Phân tích, thử nghiệm hóa sinh	Cái	2
378	Thiết bị xác định góc cạnh của cát	Kiểm tra chất lượng công trình xây dựng	Bộ	1
379	Thiết bị đo độ co ngót bê tông	Kiểm tra chất lượng công trình xây dựng	Bộ	1
380	Thiết bị đo độ chói có ghi dữ liệu	Đo nguồn sáng, quang phổ	Bộ	1
381	Máy đo độ dẫn điện để bàn chính xác cao	Đo công suất ion trong dung dịch mang dòng điện	Cái	1
382	Thiết bị thử an toàn ủng cách điện, thảm cách điện, sào cách điện	Kiểm tra an toàn lao động	Bộ	1
383	Thiết bị xác định nhiệt độ bất lửa của nhựa đường lỏng	Kiểm tra chất lượng công trình xây dựng	Bộ	1
384	Máy rửa dụng cụ thí nghiệm bằng sóng siêu âm	TN hóa sinh, môi trường	Bộ	1
385	Bộ lấy mẫu nước	Lấy mẫu nước	Cái	1
386	Thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn Máy đo đường huyết	Kiểm định, hiệu chuẩn Máy đo đường huyết trong y tế	Bộ	1
387	Thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn Máy đo nhãn áp không tiếp xúc	Kiểm định, hiệu chuẩn Máy đo nhãn áp không tiếp xúc trong y tế	Bộ	1

Handwritten signature

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
388	Thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn Máy chiếu thử thủy lực	Kiểm định, hiệu chuẩn Máy chiếu thử thủy lực trong y tế	Bộ	1
389	Thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn Máy mổ phaco	Kiểm định, hiệu chuẩn Máy mổ phaco trong y tế	Bộ	1
390	Thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn Máy đông máu	Kiểm định, hiệu chuẩn Máy đông máu trong y tế	Bộ	1
391	Thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn Máy ly tâm	Kiểm định, hiệu chuẩn Máy ly tâm trong y tế	Bộ	1
392	Thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn Kính hiển vi	Kiểm định, hiệu chuẩn Kính hiển vi	Bộ	1
393	Thiết bị đo thấu kính thị lực	Đo thấu kính thị lực trong y tế	Bộ	1
394	Bộ chuẩn kiểm máy UV-VIS	Kiểm định hiệu chuẩn máy UV-VIS	Bộ	1
395	Phiến chuẩn mật độ quang học cho máy đọc ELISA	Kiểm định hiệu chuẩn máy đọc ELISA	Bộ	1
396	Mẫu chuẩn kiểm tra chất lượng hình ảnh máy chụp cắt lớp phát xạ positron PET/CT	Kiểm tra chất lượng hình ảnh máy chụp cắt lớp phát xạ positron PET/CT	Bộ	1
397	Bộ thiết bị kiểm định máy xạ trị áp sát nạp nguồn sau bằng điều khiển từ xa	Kiểm định máy xạ trị áp sát nạp nguồn sau bằng điều khiển từ xa	Bộ	1
398	Bộ thiết bị kiểm định máy gia tốc xạ trị	Kiểm định máy gia tốc xạ trị	Bộ	1
399	Bộ thiết bị đo năng lượng và công suất laser trong Y tế	Kiểm tra các thiết bị trong y tế	Bộ	1
400	Thiết bị đo cường độ sáng đa năng kiểm định đèn mổ, đèn phẫu thuật	Kiểm tra cường độ sáng đa năng kiểm định đèn mổ, đèn phẫu thuật	Bộ	1
401	Thiết bị giám sát độ ẩm bằng công nghệ điểm sương và khí CO trong hệ thống khí nén y tế	Kiểm tra khí nén y tế	Bộ	1
402	Bơm chuẩn máy đo chức năng hô hấp	Kiểm máy đo chức năng hô hấp	Bộ	1

Handwritten signature

Phụ lục III

**Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng
tại Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Bình**

(Kèm theo Quyết định số **16** /2024/QĐ-UBND ngày **22** tháng 7 năm 2024
của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	ĐVT	Số lượng tối đa
1	Hệ thống máy dựng hình phi tuyến	Sản xuất chương trình	Bộ	16
2	Hệ thống Server quản lý	Sản xuất chương trình và khai thác tư liệu	Hệ thống	1
2.1	Hệ thống Server quản lý mạng sản xuất chương trình		Bộ	7
2.2	Hệ thống Server quản lý mạng khai thác chương trình và tư liệu		Bộ	7
2.3	Hệ thống Server quản lý tin bài qua mạng Internet		Bộ	7
3	Hệ thống lưu trữ dữ liệu	Khai thác chương trình	Hệ thống	8
4	Hệ thống lưu trữ sâu băng LTO	Lưu trữ tư liệu lâu dài	Hệ thống	7
5	Hệ thống Camera chuyên dụng (Loại vác vai)	Phóng viên quay phim	Bộ	15
6	Hệ thống Camera chuyên dụng (Loại cầm tay)	Phóng viên quay phim	Bộ	50
7	Mixer hình chuyên dụng	Sản xuất chương trình, truyền dẫn phát sóng	Bộ	7
8	Mixer âm thanh số chuyên dụng	Sản xuất chương trình, truyền dẫn tới hiệu phát sóng	Bộ	7
9	Hệ thống sản xuất phát thanh	Sản xuất các chương trình phát thanh	Hệ thống	1
9.1	Máy tính chuyên dụng	Thu phát các chương trình phát thanh	Bộ	6
9.2	Mixer âm thanh chuyên dụng	Thu phát các chương trình phát thanh	Bộ	2
9.3	Micro chuyên dụng (phòng thu)	Thực hiện các chương trình phát thanh, truyền hình trực tiếp, giao lưu, đối thoại, tọa đàm...	Cái	20

Handwritten signature

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	ĐVT	Số lượng tối đa
9.4	Hệ thống giám sát âm thanh	Giám sát âm thanh trong quá trình tác nghiệp	Bộ	2
9.5	Server lưu trữ phát thanh	Lưu trữ chương trình phát thanh	Bộ	1
9.6	Máy thu âm chuyên dụng	Dùng cho Phóng viên phát thanh tác nghiệp	Bộ	6
10	Hệ thống trường quay thời sự	Sản xuất các bản tin thời sự	Hệ thống	1
10.1	Màn hình lớn/tấm ghép		Hệ thống	2
10.2	Bộ nhắc lời		Bộ	3
10.3	Hệ thống đàm thoại intercom		Bộ	2
10.4	Micro để bàn Sure		Cái	4
10.5	Camera trường quay full HD		Hệ thống	3
10.6	Hệ thống router		Bộ	2
10.7	Màn hình hiển thị giám sát		Cái	5
10.8	Hệ thống bắn chữ đồ họa		Bộ	6
10.9	Hệ thống ánh sáng trường quay	Sản xuất chương trình	Hệ thống	2
11	Hệ thống phát sóng	Phát sóng chương trình truyền hình	Hệ thống	1
11.1	Server phát sóng		Bộ	2
11.2	Máy lập lịch		Bộ	2
11.3	Server giám sát phát sóng		Bộ	2
11.4	Hệ thống bắn chữ đồ họa		Bộ	7
12	Hệ thống khai thác chương trình và lưu trữ tư liệu	Khai thác chương trình và lưu trữ tư liệu	Hệ thống	1
12.1	Hệ thống thu ghi tín hiệu VS4	Khai thác chương trình	Bộ	2
12.2	Máy trạm kiểm duyệt	Kiểm duyệt chương trình trước khi phát sóng	Bộ	8
12.3	Thiết bị truyền hình lưu động	Thực hiện các chương trình trực tiếp với chất lượng Full HD/4K	Hệ thống	2
12.3.1	Camera hệ thống chuyên dụng		Bộ	16

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	ĐVT	Số lượng tối đa
12.3.2	Camera hệ thống và các thiết bị đi kèm (camera, CCU, VF LCD, remote control, remote control cab, micro, vali, tai nghe...)		Bộ	16
12.3.2.1	Ống kính		Bộ	16
12.3.2.2	Cáp quang đi kèm camera hệ thống		Bộ	16
12.3.2.3	Chân camera		Bộ	16
12.3.2.4	Bộ camera không dây		Bộ	16
12.3.2.5	Bộ thu phát 3G/4G		Bộ	16
12.3.3	Hệ thống thiết bị giám sát hình ảnh (video)		Hệ thống	2
12.3.3.1	Bộ chuyển mạch video (Mixer video)		Bộ	2
12.3.3.2	Bộ ghi/phát tín hiệu		Bộ	8
12.3.3.3	Bộ phát file sử dụng máy tính		Bộ	2
12.3.3.4	Bộ máy chạy chữ làm đồ họa CG		Bộ	4
12.3.3.5	Bộ chuyển đổi tín hiệu video đa định dạng trên xe truyền hình lưu động		Bộ	10
12.3.4	Máy làm chậm		Hệ thống	2
12.3.5	Hệ thống thiết bị xử lý và phân chia tín hiệu video và audio		Hệ thống	2
12.3.6	Hệ thống thiết bị tạo xung đồng bộ, hiển thị kiểm tra và đồng bộ tín hiệu		Hệ thống	2
12.3.7	Hệ thống thiết bị audio		Hệ thống	2
12.3.8	Bộ trộn âm thanh (Mixer âm thanh)		Bộ	2
12.3.9	Hệ thống Intercom (liên lạc)		Hệ thống	2
12.3.10	Hệ thống cầu camera và ray		Hệ thống	2
12.3.11	Thiết bị phụ trợ và vật tư lắp đặt hoàn thiện		Hệ thống	2

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	ĐVT	Số lượng tối đa
12.3.12	Máy phát điện trên xe lưu động		Chiếc	2
13	Hệ thống trường quay ảo	Thiết bị trường quay ảo	Hệ thống	2
13.1	Bộ phần mềm chuyên dụng		Bản quyền	2
13.2	Máy tính, bàn điều khiển		Cái	4
13.3	Màn hình hiển thị tivi, phong key và bàn ghế trường quay		Bộ	6
13.4	Hệ thống đèn cho trường quay ảo		Hệ thống	2
13.5	Mixer video cho trường quay ảo		Bộ	2
13.6	Bộ chuyên tín hiệu Quang cho trường quay ảo		Bộ	8
14	Màn hình Led cho trường quay	Sản xuất chương trình	Hệ thống	3
15	Máy phát FM 5KW	Phát chương trình phát thanh	Máy	3
16	Flycam	Phóng viên quay phim	Bộ	10
17	Trường quay lớn	Sản xuất các chương trình truyền hình văn nghệ, tọa đàm	Hệ thống	3
17.1	Hệ thống âm thanh hội trường		Hệ thống	3
17.2	Hệ thống màn hình LED		Hệ thống	3
18	Thiết bị dựng hình và đồ họa	Phục vụ sản xuất chương trình truyền hình	Bộ	5
18.1	Bộ dựng và thiết kế đồ họa HD		Bộ	5
19	Thiết bị camera ghi hình	Phục vụ các mục đích ghi hình cho phóng viên	Bộ	15
19.1	Máy ảnh số cho phóng viên tác nghiệp		Bộ	10
19.2	Bộ camera ghi hình dưới nước		Bộ	5
20	Hệ thống nền tảng số		Hệ thống	1

Handwritten signature

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	ĐVT	Số lượng tối đa
20.1	<i>Xây dựng mới trang thông tin điện tử</i>	<i>Xây dựng trang thông tin điện tử phải hiện đại, theo kịp công nghệ hiện nay</i>	Gói	1
20.2	<i>Phát triển ứng dụng truyền hình OTT trên nền tảng Internet</i>	<i>Phát sóng trực tiếp chương trình của Đài và các ứng dụng Phát thanh, truyền hình trên nền tảng số</i>	Gói	1
21	Hệ thống bộ đàm	Đàm thoại trong chương trình Truyền hình trực tiếp	Bộ	20
22	Bộ bản Logo	Bản Logo QBTv	Bộ	5
23	Bộ chuyển đổi tín hiệu đa định dạng	Chuyển đổi qua lại giữa các tín hiệu video	Bộ	10
24	Đầu thu vệ tinh chuyên dụng	Thu các tín hiệu từ vệ tinh	Hệ thống	5
25	Bộ khuếch đại phân chia tín hiệu	Khuếch đại phân chia tín hiệu truyền hình	Bộ	10
26	Hệ thống phát sóng phát thanh	Dùng để phát sóng các chương trình phát thanh	Hệ thống	5
27	Bộ Lưu điện UPS	Dùng để lưu điện để đề phòng khi điện lưới mất	Bộ	50
28	Hệ thống quản lý tài nguyên truyền hình số (MAM)	Số hóa hoạt động sản xuất và tác nghiệp của Đài	Hệ thống	2
28.1	<i>Hệ thống quản lý MAM</i>	<i>Phần mềm quản lý hoạt động sản xuất và tác nghiệp (MAM)</i>	Gói	2
28.2	<i>Hệ thống máy chủ MAM</i>	<i>Hệ thống máy chủ cài đặt phần mềm MAM</i>	Hệ thống	2
29	Hệ thống mạng và lưu trữ	Quản lý và lưu trữ phục vụ hoạt động sản xuất của Đài	Hệ thống	5
29.1	<i>Thiết bị lưu trữ cấu trúc dạng NAS hoặc SAN...</i>		Bộ	5
29.2	<i>Máy chủ quản lý</i>		Chiếc	5
29.3	<i>Switch mạng lõi</i>		Chiếc	5

Đỗ Văn

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	ĐVT	Số lượng tối đa
29.4	Switch mạng nhánh		Chiếc	15
30	Bộ tín hiệu xung chuẩn đồng bộ master clock	Để phục vụ hoạt động của Hệ thống Tổng khống chế truyền dẫn phát sóng	Bộ	1
31	Bộ thu tín hiệu GPS đi kèm anten	Để phục vụ hoạt động của Hệ thống Tổng khống chế truyền dẫn phát sóng	Bộ	1
32	Đồng hồ thời gian thực hiển thị số LTC input	Để phục vụ hoạt động của Hệ thống Tổng khống chế truyền dẫn phát sóng	Bộ	1
33	Bộ chuyển đổi tín hiệu	Để phục vụ hoạt động của Hệ thống Tổng khống chế truyền dẫn phát sóng	Bộ	1
34	Bộ chuyển đổi đa định dạng	Để phục vụ hoạt động của Hệ thống Tổng khống chế truyền dẫn phát sóng	Bộ	1
35	Multiview 16 đầu vào	Để phục vụ hoạt động của Hệ thống Tổng khống chế truyền dẫn phát sóng	Bộ	1
36	Khung lắp đặt thiết bị có nguồn dự phòng	Để phục vụ hoạt động của Hệ thống Tổng khống chế truyền dẫn phát sóng	Bộ	1
37	Ti vi	Để phục vụ hoạt động của Hệ thống Tổng khống chế truyền dẫn phát sóng	Bộ	8
38	Bàn trộn âm thanh	Để phục vụ hoạt động của Hệ thống Tổng khống chế truyền dẫn phát sóng	Bộ	1
39	Thiết bị cắt sét đường nguồn	Để phục vụ hoạt động của Hệ thống Tổng khống chế truyền dẫn phát sóng	Bộ	1
40	Thiết bị cắt lọc sét đường nguồn	Để phục vụ hoạt động của Hệ thống Tổng khống chế truyền dẫn phát sóng	Bộ	1

Handwritten signature and initials

Phụ lục IV

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng
tại các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình
(Kèm theo Quyết định số **16** /2024/QĐ-UBND ngày **22** tháng 7 năm 2024
của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	ĐVT	Số lượng tối đa
1	2	3	4	5
I	Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường			
1	Máy đo sâu cầm tay	Thăm dò khoáng sản	Máy	2
2	Máy in A0	Phục vụ in ấn, scan hồ sơ, tài liệu	Máy	7
3	Thiết bị định vị vệ tinh	Phục vụ đo đạc, khảo sát địa hình	Máy	22
4	Thiết bị dò tìm nước ngầm	Thăm dò nước ngầm	Máy	1
5	Máy khoan tay	Thăm dò khoáng sản	Máy	1
6	Máy toàn đạc điện tử	Trích đo bản đồ địa chính	Máy	12
7	Máy in A3 2 mặt	In giấy CNQSD đất, in bản đồ khổ giấy A3	Máy	14
8	Máy định vị GPS cầm tay	Đo đạc khảo sát	Máy	20
9	Máy chiếu	Cầu hình cao, phục vụ CT quy hoạch, kế hoạch SD đất	Máy	8
10	Máy photocopy	Cầu hình cao, phục vụ CT quy hoạch, kế hoạch SD đất	Máy	5
11	Máy scan	Cầu hình cao, phục vụ CT quy hoạch, kế hoạch SD đất, Trích đo bản đồ địa chính	Cái	5
12	Máy tính để bàn	Cầu hình cao, phục vụ CT quy hoạch, kế hoạch SD đất, Trích đo bản đồ địa chính, thống kê, kiểm kê đất đai, định giá đất	Bộ	20
13	Máy vi tính xách tay	Cầu hình cao, phục vụ CT quy hoạch, kế hoạch SD đất, biên tập Trích đo bản đồ địa chính, thống kê, kiểm kê đất đai, định giá đất	Cái	20

Handwritten signature

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	ĐVT	Số lượng tối đa
14	Khóa cứng phần mềm Địa chính	Thực hiện các công trình Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thống kê, kiểm kê đất đai, định giá đất	Cái	15
15	Flycam Mavic 3E	Phục vụ đo đạc, khảo sát địa hình, lập bản đồ chuyên đề ngành	Cái	2
16	Máy in màu A3	Phục vụ in ấn các bản đồ chỉnh lý địa chính, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cỡ A3 hoặc A4	Cái	5
II	Trung tâm Công nghệ Thông tin Tài nguyên và Môi trường			
1	Máy in khổ lớn	In các loại tài liệu TN&MT và bản đồ chuyên đề	Máy	1
2	Máy in Laser khổ A3	In các loại tài liệu TN&MT và bản đồ chuyên đề	Máy	1
3	Máy in A4	In các loại tài liệu TN&MT và bản đồ chuyên đề	Máy	2
4	Thiết bị định vị vệ tinh	Phục vụ xây dựng các loại bản đồ chuyên đề và đo đạc địa chính	Máy	1
5	Máy vi tính để bàn	Cấu hình cao để thực hiện công tác biên tập Bản đồ, hồ sơ địa chính	Cái	5
6	Máy tính xách tay	Cấu hình cao để thực hiện nhiệm vụ điều hành hệ thống thông tin của Sở Tài nguyên và môi trường	Cái	3
7	Máy Photocopy khổ A0	Phục vụ công tác y sao, cung cấp thông tin bản đồ ngành tài nguyên và môi trường	Cái	3
8	Máy Photocopy khổ A3	Photo tài liệu, bản đồ khổ A3	Cái	4
9	Máy scan khổ A0	Phục vụ công tác số hóa, cung cấp thông tin bản đồ ngành tài nguyên và môi trường	Cái	3
10	Máy scan khổ A3	Phục vụ công tác số hóa, cung cấp thông tin bản đồ ngành tài nguyên và môi trường	Cái	4
11	Máy in màu khổ A0	Phục vụ in ấn bản đồ chuyên ngành tài nguyên và môi trường, và các loại bản đồ chuyên đề	Cái	4
12	Máy định vị vệ tinh GNSS	Trích đo bản đồ địa chính	Bộ	3
13	Máy định vị GPS cầm tay	Phục vụ đo đạc, khảo sát	Cái	10

Handwritten signature and initials

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	Mục đích sử dụng	ĐVT	Số lượng tối đa
14	Thiết bị tường lửa (FireWall)	Phục vụ nâng cấp hệ thống mạng nội bộ đảm bảo an toàn, an ninh thông tin	Cái	3
15	Bộ chuyển mạch định tuyến mạng SWITCH Layer3	Phục vụ nâng cấp hệ thống mạng nội bộ đảm bảo an toàn, an ninh thông tin	Cái	2
16	Hệ thống Máy chủ	Phục vụ vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường		
16.1	Máy chủ (server)	Phục vụ vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường	Cái	25
16.2	Bộ Lưu điện UPS	Phục vụ lưu trữ nguồn điện dự phòng, bảo vệ khi nguồn bị tắt, ổn định điện áp cho hệ thống máy phòng máy chủ	Cái	15
16.3	Ổ cứng máy chủ	Phục vụ nâng cấp dữ liệu máy chủ server	Cái	20
16.4	Ram Server Máy Chủ	Phục vụ nâng cấp dữ liệu máy chủ server	Cái	30
17	Điều hòa tủ đứng	Phục vụ phòng máy chủ	Cái	2
18	Thiết bị bay Flycam	Phục vụ khảo sát địa hình, lập bản đồ chuyên đề và đo đạc, trích đo bản đồ địa chính	Cái	2
19	Bộ máy chiếu	Độ phân giải cao để phục vụ trình chiếu các hệ thống bản đồ.	Bộ	3